

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT PHÚC MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT PHÚC MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC MINH PRODUCTION DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110493245

**3. Ngày thành lập:** 29/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 324, phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982 482 869

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                             | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                     | 4610     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                  | 8230     |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                             | 8531     |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                          | 8532     |
| 6.  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện                                                                            | 8610     |
| 7.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của phòng khám đa khoa<br>- Hoạt động của Phòng khám chuyên khoa | 8620     |
| 8.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                           | 9311     |
| 9.  | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>Chi tiết: Kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp                                     | 9312     |
| 10. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                    | 9319     |
| 11. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                              | 9321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...;<br>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;<br>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; | 9329        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619(Chính) |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh Bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6810        |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6820        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7110        |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Loại trừ: Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội, bao gồm kết quả phân tích thống kê.)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, các cửa hàng tổng hợp khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4721        |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722        |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4723        |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510        |
| 27. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5610        |
| 28. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7810        |
| 29. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7820        |

|     |                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài | 7830 |
| 31. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                      | 7911 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                               | 7912 |
| 33. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                   | 4101 |
| 34. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                             | 4102 |

**6. Vốn điều lệ:** 206.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên                                                  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH VÀ VUI CHƠI GIẢI TRÍ ĐỒ SƠN |           | Khu dân cư số 8, đường 353, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | 102.950.000.000       | 49,975    | 0202056220                                                                                              |         |
| 2   | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI AN            |           | Số 1C, phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 102.950.000.000       | 49,975    | 0108471188                                                                                              |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HÀ                                                   | Việt Nam  | Tổ 7, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | 100.000.000           | 0,050     | 030187016658                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030187016658

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 7, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội